

Bắc Ninh, ngày 02 tháng 11 năm 2018

Số: 17/2018/QĐST-KDTM

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25/10/2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 33/2018/TLST-KDTM ngày 01/8/2018.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: Số 130 P, phường A, quận P, Tp Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh H- Nhân viên Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh Bắc Ninh theo Quyết định ủy quyền số 122/QĐ- DAB- HĐQT ngày 27/4/2016 của Chủ tịch HĐQT; Quyết định về việc ủy quyền thường xuyên cho ông Phạm Quang T số 902/QĐ-DAB-PC ngày 12/5/2016 của ông Nguyễn Thanh T- Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Đ và Giấy ủy quyền ngày 12/4/2018 của ông Phạm Quang T- Giám đốc Chi nhánh Bắc Ninh.

Bị đơn: Công ty TNHH giấy Q

Địa chỉ: Khu D, phường P, Tp Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn Đ- chức vụ: Giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH D do ông Nguyễn Chí D- Giám đốc là đại diện.

Địa chỉ: số 71 đường N, p S, Tp B, tỉnh Bắc Ninh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn Đ, sinh 1968.
2. Bà Nguyễn Thị H, sinh 1969.
3. Anh Phạm Minh Q, sinh 1989.
4. Anh Phạm Quốc H, sinh 1991.

5. Chị Phạm Thị Hương L, sinh 1993

Cùng HKTT: khu D, phường P, Tp Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Ông Đ, bà H, anh Q, anh H, chị L đều ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Mai H, sinh 1992; trú tại: Khu 10, phường Đ, Tp B, tỉnh Bắc Ninh đại diện.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công ty TNHH giấy Q phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền là 14.579.380.954 đ (Mười bốn tỷ năm trăm bảy mươi chín triệu ba trăm tám mươi nghìn chín trăm năm mươi bốn đồng) trong đó nợ gốc là 7.421.621.113đ (Bảy tỷ bốn trăm hai mươi một triệu sáu trăm hai mươi một nghìn một trăm mười ba đồng) và tiền lãi tính đến ngày 17/10/2018 là 7.157.759.841 đ (Bảy tỷ một trăm năm mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi một đồng) cụ thể:

- + Hợp đồng vay vốn số H0320/1 ngày 29/11/2012: tiền gốc là 0 đồng, tiền lãi đến ngày 17/10/2018 là 8.203.081đ
- + Hợp đồng vay vốn số H0321/1 ngày 30/11/2012: tiền gốc là 50.821.113 đồng, tiền lãi đến ngày 17/10/2018 là 309.500.067đ
- + Hợp đồng vay vốn số H0322/1 ngày 30/11/2012: tiền gốc là 255.800.000 đồng, tiền lãi đến ngày 17/10/2018 là 272.845.126đ
- + Hợp đồng vay vốn số H0323/1 ngày 06/12/2012: tiền gốc là 0 đồng, tiền lãi đến ngày 17/10/2018 là 22.655.522đ
- + Hợp đồng vay vốn số H0326/1 ngày 06/12/2012: tiền gốc là 830.000.000 đồng, tiền lãi đến ngày 17/10/2018 là 829.170.000đ
- + Hợp đồng vay vốn số H0327/1 ngày 07/12/2012: tiền gốc là 815.000.000 đồng, tiền lãi đến ngày 17/10/2018 là 813.726.563đ
- + Hợp đồng vay vốn số H0344/1 ngày 29/12/2012: tiền gốc là 120.000.000 đồng, tiền lãi đến ngày 17/10/2018 là 118.395.000đ
- + Hợp đồng vay vốn số H0345/1 ngày 04/01/2013: tiền gốc là 0 đồng, tiền lãi đến ngày 17/10/2018 là 17.894.492đ
- + Hợp đồng vay vốn số H0346/1 ngày 05/01/2013: tiền gốc là 0 đồng, tiền lãi đến ngày 14/3/2018 là 17.894.492đ
- + Hợp đồng vay vốn số H0348/1 ngày 09/01/2013: tiền gốc là 0 đồng, tiền lãi đến ngày 17/10/2018 là 10.033.999đ
- + Hợp đồng vay vốn số H0381/1 ngày 18/6/2013: tiền gốc là 1.170.000.000 đồng, tiền lãi đến ngày 17/10/2018 là 1.022.592.500đ
- + Hợp đồng vay vốn số H0384/1 ngày 25/6/2013: tiền gốc là 2.190.000.000 đồng, tiền lãi đến ngày 17/10/2018 là 1.952.343.750đ
- + Hợp đồng vay vốn số H0391/1 ngày 01/8/2013: tiền gốc là 1.990.000.000 đồng, tiền lãi đến ngày 17/10/2018 là 1.759.160.000đ
- + Hợp đồng vay vốn số H0438/1 ngày 25/6/2013: tiền gốc là 0 đồng, tiền lãi đến ngày 17/10/2018 là 23.345.250đ.

Công ty TNHH giấy Q tiếp tục phải trả lãi cho Ngân hàng TMCP Đ kể từ ngày 18/10/2018 trên số dư nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết nợ gốc của từng hợp đồng theo lãi suất thỏa thuận theo từng hợp đồng kể trên và các phụ lục hợp đồng (nếu có) đã ký kết giữa hai bên.

Trường hợp Công ty TNHH giấy Q không trả được nợ hoặc trả không hết nợ (cả gốc và lãi) thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, xử lý các tài sản thế chấp là quyền sử dụng các thửa đất: + thửa đất số 58, tờ bản đồ 26 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 010298 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00358 QSDĐ/1262 do UBND huyện Yên Phong cấp ngày 08/9/2004 mang tên hộ ông Phạm Văn Đ;

+ thửa đất 123a, tờ bản đồ 26 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X399508, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00237 QSDĐ/930 do UBND huyện Yên Phong cấp ngày 25/9/2003 mang tên hộ ông Phạm Văn Đ;

+ thửa đất số 358 tờ bản đồ 26 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 823442, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02630/QĐ1650 do UBND huyện Yên Phong cấp ngày 11/7/2007 mang tên bà Nguyễn Thị H.

+ thửa đất số 21, tờ bản đồ 27 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 625170, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01479/QĐ1348 do UBND huyện Yên Phong cấp ngày 06/10/2006 mang tên bà Nguyễn Thị H

Cùng toàn bộ tài sản trên các thửa đất này tại Dương Ổ, phường Phong Khê, Tp Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh để xử lý theo quy định của pháp luật thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Công ty TNHH giấy Q phải chịu 15.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Xác nhận Ngân hàng TMCP Đ đã nộp 15.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Công ty TNHH giấy Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 15.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Án phí: Công ty TNHH giấy Q phải chịu 61.289.690đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Đ số tiền 60.870.000đ (Sáu mươi triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004875 ngày 27/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp Bắc Ninh,
- CCTHADS Tp Bắc Ninh;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Hoàn